

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2026/DS-ST
Ngày: 08-4-2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Võ Thu Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Thị Ngọc Huệ;
2. Bà Nguyễn Thị Bích Phượng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bảo Ngọc- Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Mỹ Vi - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 701/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2026/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V;

Địa chỉ trụ sở chính: Số H, L, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T - Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm Xử lý nợ Pháp lý khách hàng cá nhân;

Người được ủy quyền lại:

1. Ông Lê Hoài T1 – Cán bộ xử lý nợ (có mặt)
2. Ông Nguyễn Trọng T2 – Cán bộ xử lý nợ (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số F, L, phường L, tỉnh Tây Ninh.

3. Ông Nguyễn Văn Đ – Cán bộ xử lý nợ (vắng mặt)

Địa chỉ: I, C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm: 1958;

Địa chỉ: Số C, ấp F, xã T, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Hoài T1 như sau:

Bà X đã vay vốn Ngân hàng TMCP V (V1) theo Hợp đồng cho vay số LD2329101235 ngày 18/10/2023 để vay số tiền là 94.400.000 đồng với hình ký hợp đồng online, mục đích vay vốn là phục vụ nhu cầu đời sống và thanh toán phí bảo hiểm, thời hạn vay 05 năm, lãi suất 12 tháng đầu kể từ ngày giải ngân 38%/năm, sau 12 tháng đầu lãi suất cho vay được điều chỉnh là 42%/năm.

V1 đã giải ngân cho bà X bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của bà X mở tại V1 số tài khoản là 271410034 vào ngày 18/10/2023. Bà X có trách nhiệm trả dần vừa vốn vừa lãi cho V1 theo lịch sử trả nợ của V1 cung cấp cho bà X cho đến khi trả hết nợ.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà X đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 18/7/2024, V1 đã chuyển khoản vay của bà X sang nợ quá từ ngày 18/7/2024.

Nay Ngân hàng TMCP V đề nghị Tòa án giải quyết:

Buộc bà Nguyễn Thị X phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi theo Hợp đồng cho vay số LD2329101235 ngày 18/10/2023 tạm tính đến ngày 08/4/2026 là 222.445.160 đồng, trong đó nợ gốc là 94.399.875 đồng và nợ lãi là 128.045.285 đồng và tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán hết nợ.

Ngân hàng TMCP V yêu cầu cá nhân bà Nguyễn Thị X có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi theo Hợp đồng cho vay số LD2329101235 ngày 18/10/2023 không yêu cầu cá nhân nào cùng liên đới thanh toán số tiền trên.

Bị đơn bà Nguyễn Thị X trình bày như sau:

Bà X xác nhận bà X có vay tiền tại V1, nhưng bà X không nhớ rõ thời gian vay tiền, số tiền vay là 80.000.000 đồng, mục đích vay tiền là kinh doanh chăm lo cho đời sống gia đình. Mỗi tháng bà X có trả tiền cho V1 là 4.000.000 đồng, trả được 05 tháng thì không trả nữa do bà X bị tai nạn không đi làm không có thu nhập để trả nợ cho V1.

Nay, V1 khởi kiện bà X thì bà X yêu cầu được trả nợ gốc và xin trả dần mỗi tháng là 1.000.000 đồng, còn tiền lãi bà X xin không trả do bà X đang gặp khó khăn về kinh tế, mỗi ngày thu nhập của bà X và chồng bà X khoảng 100.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: từ khi thụ lý vụ án ở cấp sơ thẩm cho đến thời điểm hiện tại thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân theo pháp luật tố tụng và các đương sự chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 100, Điều 103 Luật các Tổ chức tín dụng.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V đối với bị đơn bà Nguyễn Thị X.

Buộc bà Nguyễn Thị X có trách nhiệm trả cho Ngân hàng V số tiền vốn vay còn nợ là 94.399.875 đồng và nợ lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 222.445.160 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số LD2329101235 ngày 18/10/2023

Về án phí: Bà X là người trên 60 tuổi và đơn yêu cầu miễn án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho bà X. H lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1]. Nguyên đơn V1 khởi kiện về việc hợp đồng tín dụng đối với bà Nguyễn Thị X, bà X có nơi cư trú tại ấp F, xã T, tỉnh Tây Ninh nên căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Tây Ninh.

[1.2] Bị đơn bà X đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà X.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: V1 khởi kiện yêu cầu bà X thanh toán số vốn vay còn nợ là 94.399.875 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 30/3/2026 là 128.045.285 đồng.

Hội đồng xét xử thấy vào ngày 18/10/2023, V1 và bà X đã ký kết hợp đồng cho vay số LD2329101235 cho bà X vay số tiền 94.400.000 đồng, mục đích vay là để thanh toán phí bảo hiểm và phục vụ nhu cầu đời sống cá nhân, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất 12 tháng đầu 38%/năm, sau 12 tháng đầu lãi suất điều chỉnh là 42%/năm. Sau khi ký kết hợp đồng, V1 đã thực hiện giải ngân cho bà X.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà X xác định có vay vốn tại V1 có thực hiện nghĩa vụ trả nợ định kỳ theo tháng được một thời gian thì vi phạm nghĩa vụ trả nợ định kỳ, căn cứ theo các tài liệu có trong vụ án thì bà X vi phạm nghĩa vụ trả nợ vào ngày 18/7/2024, căn cứ vào Điều 6 Phần B Điều khoản giao dịch chung về việc cấp tín dụng cho khách hàng cá nhân thì V1 chuyển sang nợ quá hạn khoản vay của bà X từ ngày 18/7/2024 là có căn cứ.

Tính tới thời điểm xét xử khoản vay chưa đến hạn, Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 7 Điều khoản giao dịch chung về cấp tín dụng cho khách hàng cá nhân quy định về việc thu hồi nợ trước hạn khi khách hàng vi phạm bất kỳ kỳ trả nợ gốc, nợ lãi nào thì V1 được quyền thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ khoản vay. Do đó, V1 yêu cầu bà X thanh toán toàn bộ dư nợ gốc còn lại và nợ lãi phát sinh là có căn cứ chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án, bà X trình bày có trả nợ được 20.000.000 đồng nhưng bà X không cung cấp được tài liệu chứng cứ minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ nên không được chấp nhận.

Căn cứ vào bảng sao kê chi tiết lịch sử thanh toán nợ của bà X do V1 cung cấp thể hiện đến thời điểm xét xử bà X đã trả được tiền vốn là 125 đồng, tiền lãi đã được là 55.147.609 đồng, bà X còn nợ tiền vốn vay là 94.399.875 đồng, nợ tiền lãi là 128.045.285 đồng

Từ những nội dung phân tích nêu trên có căn cứ xác định bà X còn nợ V1 tiền vốn vay là 94.399.875 đồng và tiền lãi là 128.045.285 đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của V1 đối với bà X.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà X yêu cầu trả dần mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ, lời đề nghị này không được V1 chấp nhận nên Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận cho bà X trả dần.

[4] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát Khu vực 6 – Tây Ninh, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà X là người trên 60 tuổi và có đơn yêu cầu miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm. H lại tiền tạm ứng án phí V1

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 100, Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V đối với bị đơn bà Nguyễn Thị X.

Buộc bà Nguyễn Thị X có trách nhiệm trả cho Ngân hàng V số tiền vốn vay còn nợ là 94.399.875 (Chí mươi bốn triệu ba trăm chín mươi chín nghìn tám trăm bảy mươi lăm) đồng và nợ lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 128.045.285 (Một trăm hai mươi tám triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm tám mươi lăm) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số LD2329101235 ngày 18/10/2023.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị X được miễn án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. H lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V là 4.251.274 (Bốn triệu hai trăm năm mươi một nghìn hai trăm bảy mươi bốn) đồng theo biên lai tạm ứng án phí số 0012300 ngày 17 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Bản án sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Khu vực 6 – Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Võ Thu Xuân